

BÁO CÁO
Kết quả hoạt động năm 2025 và Kế hoạch năm 2026 của Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng;
Căn cứ quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát xin Báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của ban kiểm soát như sau:

PHẦN I: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

I. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

1. Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

a) Thực hiện kế hoạch sản lượng điện.

Sản lượng điện sản xuất năm 2025 là 5.957,89 triệu kWh, đạt 85,09% so với kế hoạch năm và đạt 88,21% so với cùng kỳ năm 2024. Sản lượng điện thương phẩm là 5.402,18 triệu kWh, đạt 85,41% so với kế hoạch năm và đạt 88,24% so với cùng kỳ năm 2024, cụ thể:

Nhà máy	Kế hoạch năm 2025 (Triệu kWh)		Thực hiện năm 2025 (Triệu Kwh)		Thực hiện năm 2024(Triệu Kwh)		So sánh TH năm 2025/ KH năm 2025		So sánh TH năm 2025/ TH năm 2024	
	Điện năng sản xuất	Điện năng thương phẩm	Điện năng sản xuất	Điện năng thương phẩm	Điện năng sản xuất	Điện năng thương phẩm	Điện năng sản xuất	Điện năng thương phẩm	Điện năng sản xuất	Điện năng thương phẩm
Hải Phòng 1	3.556,00	3.212,14	3.079,29	2.786,84	3.319,08	3.001,07	86,59%	86,76%	92,78%	92,86%
Hải Phòng 2	3.446,20	3.112,95	2.878,60	2.615,34	3.435,43	3.121,10	83,53%	84,01%	83,79%	83,80%
TỔNG CỘNG	7.002,20	6.325,09	5.957,89	5.402,18	6.754,50	6.122,17	85,09%	85,41%	88,21%	88,24%

Sản lượng điện trong năm không đạt so với kế hoạch chủ yếu do:

- Yếu tố khách quan từ nhu cầu huy động của các cấp điều độ: Trong năm 2025 nhiều thời điểm do hệ thống không huy động nên tổ máy phải ngừng dự phòng (thời gian ngừng dự phòng 6.350 giờ), công suất huy động các tổ máy thấp. Năm 2025, công suất trung bình đạt 239MW, tương đương 79,67% công suất định mức. Sản lượng khả dụng có thể phát các tổ máy năm 2025 đạt 8,873 tỷ kWh, thực tế huy động đạt 67,14 % sản lượng khả dụng.

- Do ảnh hưởng bởi sự cố: Trong năm 2025, các tổ máy tại HP1&2 xảy ra 10 sự cố, tổng thời gian ngừng do sự cố là 474 giờ gây thiếu hụt 118 triệu kWh.

b) Kết quả kinh doanh năm 2025

Kết quả Sản xuất kinh doanh năm 2025 so với kế hoạch cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng					
Nội dung	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Thực hiện năm 2024	So sánh thực hiện năm 2025/ KH năm 2025	So sánh TH năm 2025/ năm 2024
1/ Doanh thu	10.949.590	9.748.495	11.041.641	89,0%	88,3%
- Doanh thu sản xuất điện:	10.944.997	9.350.750	11.036.275	85%	85%
- Doanh thu hoạt động tài chính:	500	11.353	521	2271%	2180%
- Hoạt động khác:	4.093	6.320	4.845	154%	130%
- Doanh thu CLTG:		380.072			
2/ Chi phí	10.670.737	9.367.468	10.768.846	88%	87%
- Chi phí sản xuất điện:	10.666.873	9.363.631	10.747.603	88%	87%
- Chi phí hoạt động tài chính :					0%
- Chi phí khác:	3.864	3.836	4.390	99%	87%
- Chi phí lỗ CLTG :			16.853		
3/ Lợi nhuận trước thuế = (1) - (2)	278.853	381.027	272.795	136,6%	139,7%
Thuế TNDN	27.885	38.599	13.857	138,4%	278,6%
4/ Lợi nhuận sau thuế và CLTG	250.968	342.427,7	258.938,4	136,4%	132%

Doanh thu năm 2025 là 9.748 tỷ đồng, đạt 89% so với kế hoạch năm và đạt 88,3% so với cùng kỳ năm 2024. Nguyên nhân doanh thu giảm so với kế hoạch do sản lượng điện chỉ đạt 85% kế hoạch, bên cạnh đó giá Pc giảm do giá than giảm và giá trị trường thấp hơn kế hoạch.

Chi phí thực hiện năm 2025 là 9.367,4 tỷ đồng, đạt 88% kế hoạch năm và so với cùng kỳ năm trước đạt 87%. Chi phí giảm so với kế hoạch nguyên nhân chủ yếu do sản lượng điện phát chỉ đạt 85% kế hoạch.

Lợi nhuận: Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2025 (bao gồm 380 tỷ CLTG năm 2019, 2020, 2021) là 381 tỷ đồng, đạt 136% so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế là 342,4 tỷ đồng, đạt 136,4% kế hoạch năm, so với cùng kỳ năm trước đạt 132%.

Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2025 HĐQT dự kiến trình ĐHĐCĐ thông qua là 3% thực hiện chi trả bằng tiền. Tỷ lệ chi trả cổ tức (3%) đảm bảo tỷ lệ đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua tại nghị quyết số 4921/NQ-NĐHP ngày 24/6/2025.

c) Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật năm 2025

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật thực hiện trong năm 2025 của Công ty như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Đánh giá
1	Suất hao nhiệt	kJ/kWh	10.339	11.211	Không đạt (ở điều kiện thực tế)
2	Suất hao dầu	g/kWh	2,24	1,64	Đạt
3	Suất hao bi	g/tấn than	360	400,78	Không đạt
4	Điện tự dùng	%	9,67	9,33	Đạt
5	Suất sự cố		1,00	1,25	Không đạt
6	Suất tiêu hao đá vôi tinh	g/kWh	6,00	4,56	Đạt
7	Nước khử khoáng	%	3,00	2,96	Đạt
8	Tiêu hao HCL 30%	g/kWh	0,15	0,150	Đạt
9	Tiêu hao NaOH 30%	g/kWh	0,17	1,57	Đạt
10	Hệ số đáp ứng	%	94,81	93,96	Không đạt (ở Công suất 300 MW)

Năm 2025 các chỉ tiêu suất hao nhiệt, suất hao bi, suất sự cố và hệ số đáp ứng không đạt so với kế hoạch.

2. Công tác QLDA đầu tư xây dựng

- Tình hình triển khai dự án:

+ Dự án nâng cấp hệ thống xử lý khí thải nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1&2: Công ty đang thực hiện các bước để triển khai dự án. Hiện tại, Công ty đã phát hành hồ sơ mời thầu (HSMT) cho gói thầu EPC. Công ty cần đẩy nhanh tiến độ nhằm đáp ứng các điều kiện về quy chuẩn môi trường theo quy định.

+ Dự án xây dựng đơn nguyên nhà hành chính tại nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2: Công ty đang trình xin ý kiến các cấp có thẩm quyền để điều chỉnh nội dung đầu tư và đang chờ ý kiến chỉ đạo để triển khai các bước tiếp theo.

+ Dự án Khôi phục công suất và hiệu suất các tổ máy: Đã được HĐQT phê duyệt dự án. Tuy nhiên, do thay đổi mục tiêu dự án nên Công ty đang xin ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền để thực hiện các bước tiếp theo.

+ Dự án Cải tạo, nâng công suất Trạm biến áp 220kV: Đã ký hợp đồng với đơn vị tư vấn để lập chủ trương đầu tư.

Dự án Điện mặt trời áp mái: Đã ký hợp đồng tư vấn lập chủ trương đầu tư và báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua.

Dự án Nâng cấp hạ tầng mạng truyền dẫn viễn thông: HĐQT đã duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (KHLCNT) vào tháng 7/2025; hiện đang triển khai đấu thầu tập trung tại Tổng công ty Phát điện 2.

- Thực hiện giải ngân dự án Đầu tư xây dựng cơ bản theo kế hoạch được ĐHĐCĐ năm 2025 thông qua như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	So sánh TH/KH
I	Dự án nâng cấp hệ thống khí thải	0,5640	0,733	130,0%
	+ <i>Vốn chủ sở hữu</i>	0,5640	0,733	130,0%
II	Dự án Khôi phục công suất và hiệu suất các tổ máy nhà máy nhiệt điện Hải Phòng 1&2	0,6147	0,812	132,1%
	+ <i>Vốn chủ sở hữu</i>	0,6147	0,812	132,1%
II	Nâng cấp hạ tầng mạng truyền dẫn viễn thông phục vụ giám sát và điều hành sản xuất trong Công ty	2,4165	-	0,0%
	+ <i>Vốn chủ sở hữu</i>	2,4165	-	0,0%
IV	TỔNG CỘNG (I+II+III)	3,5951	1,545	43,0%
	+ <i>Vốn chủ sở hữu</i>	3,5951	1,545	43,0%

Tổng giá trị thực hiện các dự án được ĐHĐCĐ năm 2025 phê duyệt thông qua là 3,5951 tỷ đồng. Công ty đã thực hiện giải ngân dự án khí thải 733 triệu đồng, bằng 130% kế hoạch, dự án khôi phục công suất và hiệu suất các tổ máy 812 triệu đồng, đạt 132,1% kế hoạch được phê duyệt. Dự án Nâng cấp hạ tầng mạng truyền dẫn viễn thông phục vụ giám sát và điều hành sản xuất chưa thực hiện giải ngân. Tính đến 31/12/2025, Công ty thực hiện giải ngân 1,55 tỷ đồng dự án trong năm, đạt 43% kế hoạch.

3. Thẩm tra Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Ban kiểm soát thực hiện thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2025 (BCTC) của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Deloitte Việt Nam. Theo đánh giá của Ban kiểm soát: BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Một số chỉ tiêu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được phản ánh cụ thể như sau:

a) Chỉ tiêu bảng cân đối kế toán

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 01/01/2025	Tại ngày 31/12/2025
I. Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	3.540.722	4.392.443
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	18.153	941.664
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT	15.000	770.000
3. Các khoản phải thu	130-BCĐKT	2.553.525	1.727.158
4. Hàng tồn kho	140-BCĐKT	805.764	742.563
5. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	148.280	211.058
II. Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	3.439.500	2.962.559
1. Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT		
2. Tài sản cố định	220-BCĐKT	3.192.404	2.715.842
- Tài sản cố định hữu hình	221-BCĐKT	3.188.133	2.713.991
- Tài sản cố định vô hình	227-BCĐKT	4.271	1.851
3. Bất động sản đầu tư	230-BCĐKT		
4. Tài sản dở dang dài hạn	240-BCĐKT	44.584	30.509
5. Đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT	500	500
6. Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	202.013	215.708
TỔNG TÀI SẢN		6.980.222	7.355.002
III. Nợ phải trả	300-BCĐKT	1.257.020	1.374.749
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	1.251.010	1.370.376
2. Nợ dài hạn	330-BCĐKT	6.010	4.372
IV. Nguồn vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT	5.723.202	5.980.253
1. Vốn chủ sở hữu	410-BCĐKT	5.723.202	5.980.253
Trong đó: -Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411-BCĐKT	5.000.000	5.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần	412-BCĐKT	196.653	196.653
- Vốn khác của Chủ sở hữu	414-BCĐKT	55.821	56.201
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417-BCĐKT		
- Quỹ đầu tư phát triển	418-BCĐKT	354.579	384.972
- Lợi nhuận chưa phân phối	421-BCĐKT	116.149	342.428
TỔNG NGUỒN VỐN		6.980.222	7.355.002

- Tổng tài sản tại 31/12/2025 là 7.355 tỷ đồng, tăng 374,8 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng 5,4% so với số đầu năm. Trong đó:

+ Tài sản ngắn hạn tăng 851,7 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng 24,1% so với đầu năm. Tài sản ngắn hạn tăng so với đầu năm chủ yếu do sự gia tăng mạnh của tiền và các khoản tương đương tiền tăng 923,5 tỷ đồng; Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 755 tỷ đồng, Công ty tăng các khoản tiền gửi ngân hàng.

Các khoản phải thu khách hàng giảm 826 tỷ đồng (Giảm từ 2.553 tỷ xuống còn 1.727 tỷ đồng). Công ty đã tích cực trong việc thu hồi công nợ, chủ yếu là phần công nợ tiền điện với Công ty mua bán điện.

+ Tài sản dài hạn giảm 477 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ giảm 14% so với đầu năm. Tài sản dài hạn của Công ty giảm so với đầu năm do trong kỳ Công ty đã thực hiện trích khấu TSCĐ vào chi phí SXKD.

- Tổng nguồn vốn tại 31/12/2025 là 7.355 tỷ đồng, tăng 374,8 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng 5,4% so với số đầu năm. Trong đó:

+ Nợ phải trả tại ngày 31/12/2025 tăng 117,7 tỷ đồng so với đầu năm chủ yếu do nợ phải trả người bán ngắn hạn tăng. Công ty không còn dư nợ vay dài hạn.

+ Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2025 là 5.980 tỷ đồng, tăng 257 tỷ đồng so với số đầu năm, tỷ lệ tăng là 4,5%, nguyên nhân chủ yếu do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng từ lợi nhuận đạt được trong năm (từ 116 tỷ lên 342 tỷ đồng), sau khi đã thực hiện trích lập các quỹ và chia cổ tức trong năm.

b) Các chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính năm 2025

Các chỉ tiêu tài chính tại ngày 31/12/2025 của Công ty so với cùng kỳ cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Tại ngày	Tại ngày	Tăng/Giảm
		31/12/2025	31/12/2024	
1.Các chỉ tiêu về tình hình và khả năng thanh toán				
1.1.Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	3,21	2,83	0,37
1.2.Khả năng thanh toán nhanh	lần	2,66	2,19	0,48
1.3.Khả năng thanh toán tức thời	lần	0,687	0,015	0,67
2.Các chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn và tài sản				
2.1.Nợ phải trả trên tổng tài sản	%	18,69	18,01	0,68
2.2.Nguồn vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn	%	81,31	81,99	(0,68)
2.3.Nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu	lần	0,23	0,22	0,01
2.4.Tài sản lưu động trên tổng tài sản	%	59,72	50,73	8,99
2.5.Tài sản cố định trên tổng tài sản	%	40,28	49,27	(8,99)
3.Các chỉ tiêu về lợi nhuận và hiệu quả sử dụng vốn				
3.1.Hệ số sinh lợi của doanh thu	%	3,52	2,35	1,17
3.2.Hệ số sinh lợi của tài sản (ROA)	%	4,66	3,71	0,95
3.3.Hệ số sinh lợi vốn chủ sở hữu (ROE)	%	5,73	4,52	1,20

Các chỉ tiêu tài chính tại ngày 31/12/2025 của Công ty so với cùng kỳ:

- Các chỉ tiêu về tình hình khả năng thanh toán ngắn hạn:

+ Chỉ tiêu khả năng thanh toán nợ ngắn hạn tăng từ 2,83 lần lên 3,21 lần. Khả năng thanh toán ngắn hạn tăng lên từ việc tăng lên của tiền và các khoản tương đương tiền.

+ Chỉ tiêu khả năng thanh toán nhanh tăng từ 2,19 lần lên 2,66 lần. Chỉ tiêu này được cải thiện so với đầu kỳ từ việc thu hồi doanh thu tiền điện để tăng các khoản tiền và tương đương tiền.

+ Chỉ tiêu khả năng thanh toán tức thời tăng từ 0,015 lần lên 0,687 lần so với cùng

kỳ cho thấy dòng tiền của Công ty được cải thiện (các khoản tiền và tương đương tiền tăng). Công ty đã chủ động trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Các chỉ tiêu về tình hình khả năng thanh toán ngắn hạn tăng so với cùng kỳ, Công ty đã chủ động, đảm bảo dòng tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

- Các chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn và tài sản:

- + Chỉ tiêu nợ phải trả trên tổng tài sản tăng từ 18,01% lên 18,69%.
- + Các chỉ tiêu Nguồn vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn giảm nhẹ từ 81,99% xuống 81,31%.
- + Chỉ tiêu nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu tăng từ 0,22 lần lên 0,23 lần.
- + Chỉ tiêu tài sản lưu động/Tổng tài sản tăng từ 50,73% lên 59,72%.
- + Chỉ tiêu tài sản cố định/Tổng tài sản giảm từ 49,72% xuống 40,28%.

Các chỉ tiêu cho thấy, cơ cấu vốn an toàn, nợ thấp.

- Các chỉ tiêu về lợi nhuận và hiệu quả sử dụng vốn so với cùng kỳ:

- + Hệ số sinh lợi của Doanh thu tăng từ 2,35% lên 3,52%.
- + Hệ số sinh lợi của tài sản tăng từ 3,71% lên 4,66%.
- + Hệ số sinh lợi vốn chủ sở hữu tăng từ 4,52% lên 5,73%.

Đánh giá chung: tại ngày 31/12/2025, các chỉ tiêu tài chính của Công ty không có dấu hiệu mất an toàn tài chính.

4. Tình hình đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có khoản đầu tư tài chính như sau:

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 6 tháng 540 tỷ đồng.

Công ty có khoản đầu tư tài chính 50.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc tương ứng giá trị 500 triệu đồng. Trong năm 2025, Công ty ghi nhận doanh thu tài chính 27 triệu đồng do Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc phân phối lợi nhuận năm 2024 để chi trả cổ tức.

5. Công tác tham gia thị trường chứng khoán

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên thị trường chứng khoán chưa niêm yết của Công ty đại chúng (Upcom) tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là HND.

II. Đánh giá công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

1. Đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

Năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 06 phiên họp. Các phiên họp được tổ chức với số lượng Thành viên HĐQT tham gia theo quy định, các nội dung họp đã được các thành viên thảo luận, thống nhất biên bản cuộc họp và biểu quyết thông qua.

Hội đồng quản trị đã gửi 141 Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản tới các thành viên HĐQT và ban hành 163 Nghị quyết để giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

HĐQT sử dụng bộ máy tham mưu giúp việc của Công ty nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ theo điều lệ, quy chế quản lý nội bộ và các quy định của Pháp luật.

Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT chuyên trách tham gia các cuộc họp giao ban tuần, tháng và các cuộc họp khác, theo dõi và chỉ đạo kịp thời công tác sản xuất kinh doanh với ban điều hành.

2. Đánh giá công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc

Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực, chủ động trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết và các văn bản chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

Ban tổng giám đốc phân công nhiệm vụ cho các thành viên, các đơn vị. Các thành viên trong ban tổng giám đốc, các đơn vị chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc theo lĩnh vực được phân công.

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động SXKD của Công ty năm 2025 theo nội dung của Nghị quyết giao.

Năm 2025, sản lượng điện sản xuất, sản lượng điện thương phẩm của Công ty không đạt kế hoạch. Tuy nhiên, lợi nhuận vượt kế hoạch do ghi nhận 380 tỷ đồng tiền doanh thu CLTG từ các năm 2019, 2020, 2021.

3. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc

Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát là phối hợp, theo điều lệ của Công ty, luôn đảm bảo nguyên tắc tuân thủ các quy định của Pháp luật và của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng, vì lợi ích chung của Công ty và của các cổ đông, đảm bảo tính độc lập, thường xuyên.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc luôn hỗ trợ tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình; mời Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban hàng tuần, tháng và các cuộc họp khác của Công ty khi cần thiết.

Ban kiểm soát được cung cấp tài liệu để thực hiện công tác kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty.

III. Đánh giá kết quả hoạt động của ban kiểm soát.

1. Cơ cấu thành viên ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty trong năm 2025 có 5 thành viên, nhân sự của Ban kiểm soát cụ thể như sau:

Bà Phạm Thị Dung	Trưởng Ban
Bà Lê Thị Thủy	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên
Ông Trần Minh Tâm	Thành viên
Ông Vũ Quang Huy	Thành viên (đến ngày 24/6/2025)
Bà Nguyễn Thị Huỳnh Hoa	Thành viên (từ ngày 24/6/2025)

2. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm

Thực hiện kế hoạch hoạt động của ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua, Ban kiểm soát luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật cũng như các quy định của Công ty.

Định kỳ, Ban kiểm soát tổ chức họp, kiểm soát trực tiếp tại Công ty. Các cuộc họp có sự tham gia của các thành viên theo quy định. Kết thúc các cuộc họp, ban kiểm soát lập biên bản ghi nhận kết quả làm việc cũng như các đề xuất, kiến nghị gửi HĐQT, ban điều hành.

Ngoài ra, các thành viên ban kiểm soát thường xuyên thực hiện trao đổi công việc qua các phương tiện email, điện thoại, các cuộc họp trực tuyến để các hoạt động được thực hiện kịp thời, liên tục và đạt hiệu quả cao nhất. Năm 2025, Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc cụ thể như sau:

- Lập báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025 báo cáo Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025;
- Trình Đại hội đồng cổ đông lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025;
- Tổ chức các cuộc họp Ban kiểm soát định kỳ để đánh giá các hoạt động của Công ty bao gồm: hoạt động của Hội đồng quản trị, ban điều hành; thẩm tra báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cả năm, có các ý kiến nhận xét và kiến nghị đối với Công ty về tình hình SXKD và các hoạt động khác;
- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty một cách độc lập khách quan;

- Xem xét việc ban hành, thực hiện các quy chế, quy định ban hành nội bộ trong công tác quản lý và điều hành Công ty;
- Phối hợp đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện công tác kiểm toán giữa kỳ và kết thúc năm;
- Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị và các cuộc họp giao ban tuần, tháng các cuộc họp khác khi cần thiết. Tại cuộc họp, Ban kiểm soát tham gia ý kiến đối với Lãnh đạo Công ty để chỉ đạo các hoạt động đảm bảo lợi ích cho Công ty cũng như lợi ích của Cổ đông.

3. Thù lao, chi phí của Ban kiểm soát năm 2025.

Thù lao của BKS: Công ty thực hiện chi trả thù lao năm 2025 cho Ban kiểm soát theo kế hoạch thù lao ĐHCĐ thông qua và quyết toán quỹ tiền lương theo quy định.

4. Nhận xét và kiến nghị của Ban kiểm soát

a) Thực hiện kế hoạch SXKD

Về sản lượng điện: Sản lượng điện sản xuất năm 2025 là 5.957,89 triệu kWh, đạt 85,09% so với kế hoạch năm và đạt 88,21% so với cùng kỳ năm 2024. Sản lượng điện thương phẩm là 5.402,18 triệu kWh, đạt 85,41% so với kế hoạch năm và đạt 88,24% so với cùng kỳ năm 2024.

Về lợi nhuận: Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2025 (bao gồm 380 tỷ đồng CLTG năm 2019, 2020, 2021) là 381 tỷ đồng, đạt 136% so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế là 342,4 tỷ đồng, đạt 136,4% kế hoạch năm, so với cùng kỳ năm trước đạt 132%. Nếu không ghi nhận khoản doanh thu CLTG thì lợi nhuận Công ty rất thấp, không đạt kế hoạch năm. Ban kiểm soát kiến nghị, Công ty thực hiện quyết liệt các giải pháp để nâng cao hiệu suất tổ máy, đảm bảo công tác phát điện, cải thiện hiệu quả hoạt động sản xuất để hoàn thành kế hoạch theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trong năm, một số chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật không đạt như: chỉ tiêu suất hao nhiệt, suất hao bi và hệ số đáp ứng. Ban kiểm soát kiến nghị Công ty tăng cường công tác quản lý kỹ thuật; giám sát chặt chẽ chất lượng than trong quá trình giao nhận theo hợp đồng, nâng cao chất lượng công tác sửa chữa bảo dưỡng thiết bị, đảm bảo các tổ máy vận hành an toàn, tin cậy với hiệu suất cao; Xây dựng đề án tổng thể về cải tạo, nâng cấp các thiết bị dây chuyền Nhà máy nhiệt điện Hải Phòng 1 và 2 nhằm mục tiêu không xảy ra sự cố chủ quan, sự cố lặp lại, không suy giảm công suất, hiệu suất, giảm suất hao nhiệt, điện tự dùng và nâng cao độ tin cậy cho các tổ máy.

b) Công tác tài chính kế toán

- Nợ phải thu: Tại ngày 31/12/2025, số dư khoản phải thu khách hàng là 1.727 tỷ đồng, giảm 826 tỷ đồng so với đầu kỳ. Công ty thực hiện thu hồi công nợ tốt hơn so với

cùng kỳ. Tuy nhiên, Công nợ phải thu vẫn cao, trong đó chủ yếu là nợ tiền điện từ EVN là 1.673,6 tỷ đồng.

- Doanh thu Chênh lệch tỷ giá (CLTG): Tại ngày 31/12/2025, Công ty đã ghi nhận 380 tỷ đồng doanh thu CLTG năm 2019 phần còn lại, 2020 và một phần 2021 căn cứ văn bản số 8344/EVN-TCKT ngày 27 tháng 12 năm 2025 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc thanh toán giá trị CLTG 2019, 2020 và 2021 (lần 1).

Để đảm bảo tính chủ động, hiệu quả dòng tiền đề nghị Công ty: Rà soát và có các biện pháp kiểm soát chi phí, tích cực thu hồi công nợ tiền điện đến hạn, các doanh thu khác. Đối với các khoản nợ tiền điện quá hạn, Công ty đôn đốc, đánh giá khả năng thu hồi và trích lập dự phòng phải thu khó đòi (nếu cần); Làm việc với Công ty mua bán điện, Tập đoàn điện lực Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền để được ghi nhận doanh thu CLTG kịp thời ngay sau khi có Quyết định hướng dẫn thanh toán CLTG của Bộ Công thương.

c) Công tác sửa chữa, bảo dưỡng.

- Công tác sửa chữa lớn (SCL):

+ Công tác SCL năm 2025: Đã được thực hiện hoàn thành, tuy nhiên, hạng mục đại tu tuabin và máy phát gói thầu số 9 “Cung cấp vật tư Tuabin - Máy phát và chuyên gia đại tu Tuabin - máy phát, chuyên gia máy cắt đầu cực tổ máy số 3” chưa đáp ứng kế hoạch đề ra nên hệ thống không được đại tu theo PAKT đã được phê duyệt.

+ Công tác SCL năm 2026: Theo kế hoạch đại tu đã được phê duyệt, trong năm Công ty có 02 công trình SCL là Trung tu tổ máy S2 từ 01/10-29/11/2026 và Đại tu tổ máy S4 từ 15/7-12/9/2026.

Ngày 18/3/2026, HND có văn bản đăng ký dừng tổ máy để thực hiện dự án nâng cấp hệ thống xử lý khí thải. Theo đó, HND xin chuyển lịch Trung tu tổ máy S2, Đại tu tổ máy S4 kết hợp với công tác cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý khí thải, thời gian thực hiện trong tháng 11 và tháng 12/2026 (thời gian thực hiện thi công 60 ngày cho 1 tổ máy).

Tại Quyết định số 163/QĐ-TTĐVSC ngày 31/12/2025 về việc phê duyệt KHLCNT SCL đợt 1 năm 2026; Quyết định số 05/QĐ-TTĐVSC ngày 08/01/2026 về việc phê duyệt KHLCNT SCL đợt 2 năm 2026; Quyết định số 138/QĐ-TTĐVSC ngày 26/4/2026 về việc duyệt hiệu chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu Sửa chữa lớn đợt 2 (phần thiết bị công nghệ). Trong đó phê duyệt các gói thầu có thời gian bắt đầu thực hiện LCNT trong quý 1, quý 2 năm 2026; nhiều gói thầu có thời gian cấp hàng dài (từ 100 đến 300 ngày). Tuy nhiên, thời điểm hiện tại phần lớn các gói thầu chưa hoàn tất phê duyệt HSMT, do đó nguy cơ hàng hóa cấp không đáp ứng tiến độ SCL.

Để đảm bảo công tác SCL trong năm 2026 và các năm tới, Ban kiểm soát kiến nghị ĐHĐCĐ yêu cầu Công ty tiến hành rà soát, đánh giá cụ thể nguyên nhân gây chậm/

muộn trong công tác SCL, có biện pháp xử lý cụ thể, phù hợp để tránh lặp lại trong thời gian tới. Đảm bảo các tổ máy sau SCL hoạt động an toàn, tin cậy, cải thiện hiệu suất nhiệt, nâng cao hiệu quả SXKD của công ty.

- Công tác sửa chữa thường xuyên:

Qua kiểm tra thực tế hiện trường, Ban kiểm soát ghi nhận công tác Sửa chữa thường xuyên trong thời gian qua, việc xử lý các tồn tại tại khu vực Lò hơi, hệ thống FGD và Máy nghiền còn chậm, chưa triệt để (tình trạng xì hở, rung lắc, bám bụi than), tiềm ẩn rủi ro làm suy giảm độ tin cậy vận hành. BKS khuyến nghị Công ty cần quyết liệt hơn trong công tác sửa chữa thường xuyên và bảo trì phòng ngừa, đảm bảo tổ máy vận hành an toàn, nâng cao hiệu quả sản xuất.

d) Vật tư thiết bị tồn kho

Qua xem xét số liệu tồn kho tại thời điểm 31/12/2025 so với các định mức đã được phê duyệt, Ban Kiểm soát (BKS) ghi nhận:

Định mức tồn kho tối ưu: Theo quyết định 5797/QĐ-NĐHP ngày 17/8/2023 phê duyệt định mức vật tư thiết bị dự phòng tối ưu (không bao gồm Than, dầu FO, dầu mỡ bôi trơn, hóa chất, đá vôi, vật tư thu hồi) là 298,1 tỷ đồng. Tuy nhiên, giá trị thực tế tại ngày 31/12/2025 là 316,9 tỷ đồng, cao hơn định mức được phê duyệt 18,8 tỷ đồng (tương đương vượt 6,3%).

Cơ cấu mã vật tư: Tình trạng tồn kho đang mất cân đối so với định mức tối ưu khi có 1.155 mã vật tư dự trữ cao hơn định mức tối ưu trong khi lại có 2.519 mã vật tư dự trữ thấp hơn định mức.

Vật tư dự phòng chiến lược (DPCL): Có 77 mã vật tư thiết bị đang dự trữ thấp hơn so với định mức quy định tại Quyết định 6231/QĐ-NĐHP ngày 7/9/2023. Việc thiếu hụt các vật tư chiến lược tiềm ẩn rủi ro gây kéo dài thời gian xử lý khiếm khuyết thiết bị và ảnh hưởng đến sự ổn định sản xuất.

VTTB tồn kho lâu năm: Giá trị HTK ≥ 3 năm là 79,2 tỷ đồng (không bao gồm Than, dầu FO, dầu mỡ bôi trơn, hóa chất, đá vôi, vật tư thu hồi, vật tư, thiết bị phụ tùng thay thế dài hạn).

Việc vật tư tồn kho vượt nhiều so với định mức gây đọng vốn, làm giảm hiệu quả sử dụng dòng tiền; Tình trạng nhiều mã vật tư (bao gồm cả danh mục chiến lược) tồn dưới định mức quy định tiềm ẩn nguy cơ không đáp ứng kịp thời vật tư phục vụ sản xuất và xử lý khi sự cố thiết bị; Với các vật tư tồn kho lâu năm, ít biến động có rủi ro hư hỏng, suy giảm tuổi thọ, lỗi thời có thể phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho vào cuối kỳ.

Kiến nghị: Công ty cần rà soát, phân tích nguyên nhân cụ thể đối với các mã vật tư tồn kho cao; lập kế hoạch ưu tiên sử dụng tối đa nguồn vật tư sẵn có trong các kỳ báo

trì, sửa chữa sắp tới để đưa giá trị tồn kho về mức tối ưu đã phê duyệt; Đối với vật tư DPCL, Công ty thực hiện rà soát, xây dựng lại danh mục VTTB, đảm bảo phù hợp với quy định, đáp ứng kịp thời VTTB phục vụ sản xuất; Với các vật tư tồn kho lâu năm, ít biến động không phải là vật tư chiến lược, có rủi ro suy giảm giá trị hoặc lỗi thời, không còn nhu cầu sử dụng, Công ty cần đánh giá chất lượng, phân loại và có kế hoạch sử dụng, thanh xử lý theo quy định nhằm đảm bảo chất lượng cũng như phân loại đánh giá dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối kỳ theo quy định.

PHẦN II: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2026 như sau:

STT	Nội dung	Thời gian
1	<ul style="list-style-type: none"> - Giám sát kiểm toán BCTC năm 2025; - Thẩm tra BCTC năm 2025; - Họp Ban kiểm soát quý I. 	Quý I/2026
2	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát trực tiếp hoạt động SXKD, tình hình tài chính cả năm 2025 và quý I/2025; - Lập báo cáo hoạt động kiểm soát năm 2025 trình ĐHĐCĐ; - Trình ĐHĐCĐ đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2026; - Họp Ban kiểm soát quý II. 	Quý II/2026
3	<ul style="list-style-type: none"> - Giám sát soát xét BCTC bán niên 2026; - Thẩm tra BCTC bán niên 2026; - Kiểm soát trực tiếp hoạt động SXKD, tình hình tài chính 6 tháng đầu năm 2026 - Họp Ban kiểm soát quý III. 	Quý III/2026
4	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát, giám sát thường xuyên hoạt động SXKD, tình hình tài chính quý III; - Giám sát kiểm kê tài sản nguồn vốn 2026; - Họp Ban kiểm soát quý IV. 	Quý IV/2026

STT	Nội dung	Thời gian
5	<ul style="list-style-type: none"> - Giám sát thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết/ quyết định HĐQT; việc chấp hành điều lệ, pháp luật của Công ty; - Tham dự các phiên họp HĐQT, các cuộc họp giao ban tuần/tháng và các cuộc họp khác khi cần thiết; - Theo dõi kết quả làm việc của đoàn thanh kiểm tra, kiểm toán, kiểm soát theo quy định; giám sát kết quả khắc phục của Công ty đối với kiến nghị của các đoàn thanh kiểm tra; - Xem xét việc ban hành, thực hiện các quy chế, quy định ban hành nội bộ trong công tác quản lý và điều hành Công ty; - Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. 	Thường xuyên

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng năm trong 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026. Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT HND;
- Ban TGD HND;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phạm Thị Dung